TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trịnh Thị Mai Hương

- Ông Nguyễn Ngọc Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 241/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 về việc: *"Yêu cầu ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/ QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2018/QĐST – HNGĐ ngày 30/10/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1983 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu phố PT, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh BR-VT.

Chổ ở: Tổ 12, khu phố LS, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh BR-VT

Bị đơn: ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu phố PT, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh BR-VT.

Chổ ở: Tổ 12, khu phố LS, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh BR-VT

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 5 năm 2018, bản khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

* Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn S chung sống với nhau vào năm 2007; có đăng ký kết hôn UBND thị trấn PB, huyện XM, tỉnh BR-VT; có tổ chức lễ cưới và được sự đồng ý của hai bên gia đình, hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện không ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn bà M và ông S có thời gian tìm hiểu nhau khoảng một năm.

Sau khi kết hôn, bà M và ông S chung sống rất hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến ngày hôm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống về tình cảm cũng như kinh tế, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Giữa hai vợ chồng không hề có tiếng nói chung, từ chuyện lớn cho đến chuyện nhỏ, vợ chồng thật sự không còn niềm tin vào nhau.

Từ giữa năm 2018 cho đến nay bà M và ông S đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Từ khi sống ly thân cho đến nay, bà M cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm giữa hai vợ chồng nhưng không được.

Nay, bà M xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông S không còn, mục đích hôn nhân giữa bà M và ông S không đạt được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn S có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày: 09/6/2008 và Nguyễn Đức S, sinh ngày: 05/10/2014. Cả hai con chung đang sống cùng với ông Sáng, bà M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N và đồng ý giao cháu SG cho ông S nuôi dưỡng, bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà M xin rút một phần yêu cầu về việc phân chia tài sản chung của bà M và ông S để bà M và ông S tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà M và ông S không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn S, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về việc mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử để ông S thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông S đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu N cho bà M nuôi dưỡng và giao cháu SG cho ông S nuôi dưỡng, tạm thời các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài phần sản chung: tại phiên tòa, bà M rút yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung nên đề nghi Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung để bà M và ông S tự thỏa thuận giải quyết; về phần nợ chung, bà M không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn S, đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị M đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Trước khi kết hôn bà M và ông S có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hôn nhân là tự nguyện không ai mai mối hay ép buộc.

Sau khi kết hôn, bà M và ông S chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Từ giữa năm 2018 cho đến nay bà M và ông S đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Từ khi sống ly thân cho đến nay, bà M cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm giữa hai vợ chồng nhưng không được.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà M trình bày là do vợ chồng bất đồng bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Giữa hai vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau và thông cảm cho nhau như trước.

[4] Qua xác minh tại địa phương cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông S không thể kéo dài thêm được nữa, nếu bà M yêu cầu ly hôn thì cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Trong thời gian bà M và ông S sống tại địa phương thì vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau mặc dù không đến mức phải xô xát. Nguyên nhân mẫu thuẫn của vợ chồng bà M và ông S theo địa phương là xuất phát từ vấn đề chổ ở, bà M thì muốn ra ngoài ở riêng, không ở chung với ba mẹ chồng nhưng ông S thì không đồng ý. Hiện tại thì bà M và ông S đã sống ly thân nhau, bà M đã dọn ra nhà trọ để ở còn ông S ở tại nhà của hai vợ chồng trước đây

[5] Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà M và ông S đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông S.

[6] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn S có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày: 09/6/2008 và Nguyễn Đức S, sinh ngày: 05/10/2014. Con chung đang ở cùng với ông S, bà M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N và đồng ý giao cháu SG cho ông S nuôi dưỡng. Qua làm việc với cháu N thì cháu N có nguyện vọng sống cùng với bà M. Xét thấy, hiện tại bà M và ông S đều có việc làm và thu nhập ổn định nên giao cháu N cho bà M nuôi dưỡng và giao cháu SG cho ông S nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo sự phát triển toàn diện của con theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Về yêu cầu cấp dưỡng, bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với ông S, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, ông S không đến tòa và không có thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà M. Nếu sau này ông S có yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi người nuôi con thì khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định.

[7] *Về tài sản chung*: Tại phiên Tòa, bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung, xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà M là hoàn toàn tự nguyện và đúng với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8] *Về nợ chung:* Bà M và ông S không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày: 09/6/2008; ông Nguyễn Văn S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức S, sinh ngày: 05/10/2014 đến tuổi trưởng thành. Ông S có nghĩa vụ giao cháu N cho bà M nuôi dưỡng. Bà M tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Văn S phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với ông Nguyễn Văn S về việc yêu cầu chia tài sản chung. Về phần tài sản chung, bà M và ông S tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn S không có nợ chung vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí*:

Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002908 ngày 13/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí, ông Nguyễn Văn S không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy